TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 14/8/2017
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Nhạn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quang Quỳnh;

2. Bà Bùi Thu Lan.

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Trang là Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2017 về việc: "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 857/2017/QĐSTXX- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị L, sinh năm 1975, trú tại: Thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Anh Đào Văn Q, sinh năm 1973, trú tại: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Chị và anh Đào Văn Q tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996 có tổ chức đám cưới có sự chứng kiến của hai bên gia đình nhưng không đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống với nhau tại thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng và có 01 con chung. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên

nhân do anh Q không chịu lao động thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu say sỉn. Anh Q lấy tài sản trong nhà bán để lấy tiền tiêu sài cá nhân. Chị đã khuyên can nhưng anh Q không thay đổi trong khi kinh tế vợ chồng khó khăn. Vợ chồng sống không hạnh phúc đến năm 2000 chị đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở và sống ly thân với anh Q từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đào Văn Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung là Đào Ánh H, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1997, hiện nay cháu đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Chị và anh Q không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của anh Đào Văn Q thể hiện: Anh thống nhất với chị L về thời gian chung sống và việc vợ chồng không ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, chị L không chu đáo gia đình mà thường xuyên đưa con về nhà mẹ đẻ trong khi anh đi làm, anh tham gia góp ý chị L không nghe vợ chồng mâu thuẫn chị L đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2000 và sống ly thân với anh từ đó đến nay hai bên không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Chị L đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị L là vợ chồng, anh đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật giải quyết.

Về con chung: Anh thống nhất vợ chồng có 01 chung họ, tên, tuổi như chị L trình bày, hiện con chung đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Anh và chị L không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cũng như diễn biến tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Lê Thị L đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đào Văn Q không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9,14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2016 đề nghị Hội đồng xét xử xử không công nhận chị Lê Thị L và anh Đào Văn Q là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Đào Văn Q là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng anh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đào Văn Q.

[2] Chị Lê Thị L và anh Đào Văn Q tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996 tại thôn T, xã A, huyện A, Hải Phòng. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không có chung quan điểm, tính cách lối sống không phù hợp nhau. Vợ chồng sống không hạnh phúc chị L đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2000 và sống ly thân với anh Q từ đó đến nay hai bên không quan tâm đến nhau. Xét thấy chị L và anh Q chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c Mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 Nghị quyết của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2016. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị L và anh Đào Văn Q.

[3] Về con chung: Chị L và anh Q có 01 con chung là Đào Ánh H, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1997, hiện nay cháu đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng chị L anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Chị L và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c Mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 Nghị quyết của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị L và anh Đào Văn Q.

[2]. Về án phí: Chị Lê Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002542 ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, thành phố Hải Phòng. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[3]. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Lê Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Đào Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhạn